

BẢN TIN HÀNG NGÀY

16 tháng 4 năm 2026



VIC tiếp tục tăng trần, số mã giảm gấp đôi số mã tăng

- Vn-Index tăng điểm mỗi lúc 1 cao hơn trong suốt cả ngày, và đóng cửa tăng 19.18 điểm
- VIC tiếp tục tăng trần; và 4 mã VIC VHM VRE VPL đóng góp 27.8 điểm vào mức tăng của Vn-Index
- Số mã giảm gấp 2 lần số mã tăng
- Vẫn có 1 số ít nhóm tăng điểm là khu công nghiệp và thủy sản
- Ngược lại, hầu hết nhóm ngành giảm điểm, tuy nhiên, mức độ giảm cũng chỉ khá nhỏ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng nhẹ 0.8% so với ngày trước đó

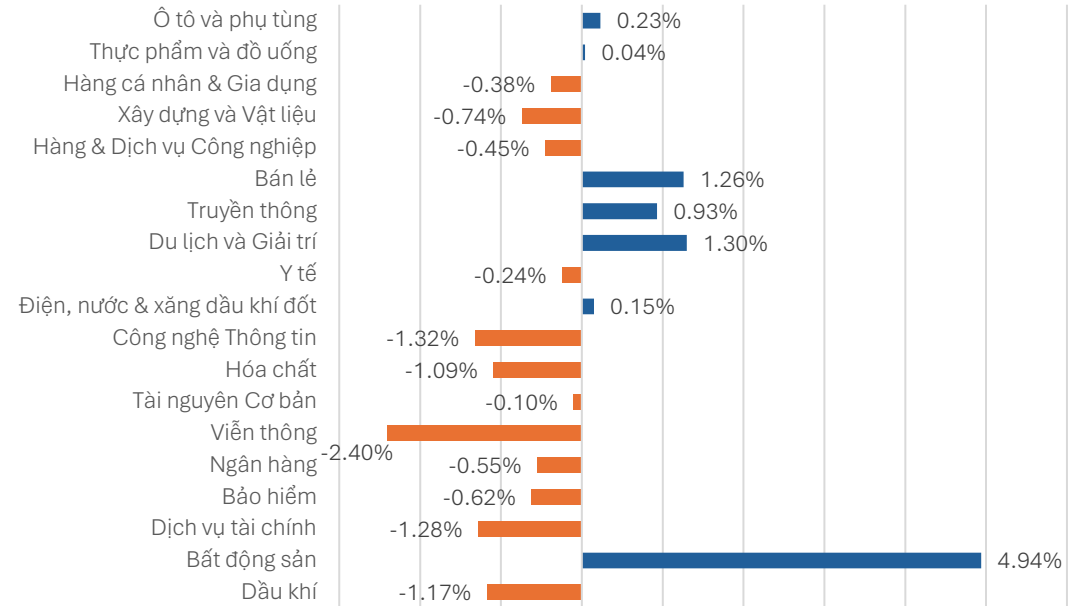


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,819.8	256.5	128.2
(+/-)	19.18	3.77	-0.63
(%)	1.07%	1.49%	-0.49%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	1,001	68	21
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	27,935	1,266	343
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,163)	23	1
Số mã tăng	105	58	90
Số mã giảm	213	70	109
Số mã giá không đổi	60	68	91

1.

Nhận định thị trường

- Hôm nay, tuy số lượng mã giảm gấp 2 lần số mã tăng, nhưng hầu hết chỉ là giảm rất nhẹ, giống như 1 phiên giao dịch tích lũy và điều chỉnh
- VIC VHM VRE VPL đều tăng mạnh với thanh khoản tăng, chứng tỏ giá trị giao dịch của phần còn lại là giảm. Điều chỉnh với thanh khoản giảm là bình thường trong uptrend
- Ngoài ra, khá nhiều mã đóng cửa hồi phục mạnh như CII DXG SSI VCI CEO..., cho thấy thị trường đã có dấu hiệu điều chỉnh xong
- Hôm nay là phiên mua vào hợp lý
- Nhóm ngành mạnh nhất hiện tại là bất động sản và chứng khoán (tất nhiên ngoại trừ 4 cổ phiếu họ VIN)



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.76	1.84
2	Nguyên vật liệu	17.12	1.71
3	Công nghiệp	14.02	1.92
4	Hàng Tiêu dùng	15.41	2.45
5	Dược phẩm và Y tế	16.40	1.65
6	Dịch vụ Tiêu dùng	22.57	3.80
7	Viễn thông	27.15	6.57
8	Tiện ích Cộng đồng	13.51	1.79
9	Tài chính	20.00	2.78
10	Ngân hàng	9.47	1.56
11	Công nghệ Thông tin	13.72	2.87

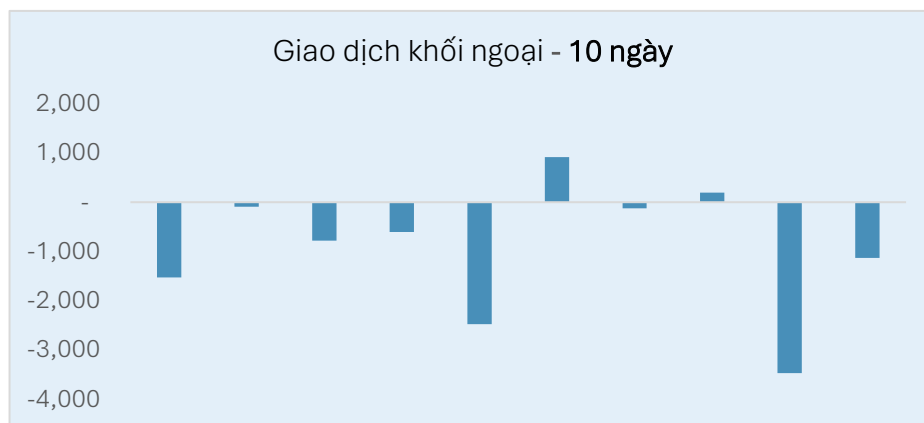
2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
SHB	0.97%	VIC	6.95%	VDS	1.00%	VCF	2.96%	BMP	6.09%	ACG	1.62%	POW	2.30%	DPM	1.06%
VPB	0.91%	KBC	4.95%	SSI	0.52%	FMC	1.45%	CII	0.52%	DHC	1.11%	NT2	0.38%	DGC	0.55%
MSB	0.80%	VHM	4.45%	HCM	0.00%	ANV	1.23%	VGC	0.00%	NKG	0.00%	TDM	0.35%	DCM	0.11%
TCB	0.16%	TCH	3.24%	TVS	0.00%	VHC	1.15%	HTI	-0.21%	HPG	-0.36%	SHP	0.29%	VFG	0.10%
NAB	0.00%	QCG	2.17%	BCG	0.00%	MSN	1.04%	CTR	-0.23%	PTB	-1.10%	PPC	0.00%	PHR	-0.49%
BID	-0.25%	SZC	1.21%	ORS	0.00%	PAN	0.16%	CTD	-0.49%	HSG	-1.23%	VSH	0.00%	DPR	-0.49%
OCB	-0.43%	VRE	1.02%	AGR	-0.33%	HAG	0.00%	PC1	-1.46%			CHP	-0.18%	CSV	-0.72%
ACB	-0.63%	SIP	0.99%	VCI	-0.36%	BHN	0.00%	HHV	-1.55%			PGV	-0.21%	AAA	-1.12%
STB	-0.78%	BCM	0.73%	DSC	-0.77%	SBT	0.00%	VCG	-1.79%			GEG	-0.33%	GVR	-2.42%
VCB	-0.83%	VPI	0.34%	DSE	-0.84%	BAF	-0.28%					PGD	-0.42%		
LPB	-0.84%	SJS	0.19%	FTS	-1.08%	VNM	-0.33%					REE	-0.62%		
TPB	-0.91%	KOS	0.13%	BSI	-1.22%	MCM	-0.59%					GAS	-1.01%		
HDB	-0.95%	HDC	-0.27%	VND	-1.49%	SAB	-0.87%					BWE	-1.26%		
MBB	-1.13%	PDR	-0.30%	CTS	-1.62%	KDC	-1.14%					HNA	-2.81%		
VIB	-1.15%	IJC	-0.47%			ASM	-1.53%					TMP	-2.96%		
CTG	-1.28%	DXG	-0.66%			DBC	-1.69%								
SSB	-1.48%	DIG	-0.68%												
EIB	-1.54%	NLG	-0.69%												
		KDH	-0.94%												
		DXS	-1.32%												
		HDG	-1.76%												
		CRE	-2.18%												
		NVL	-2.86%												

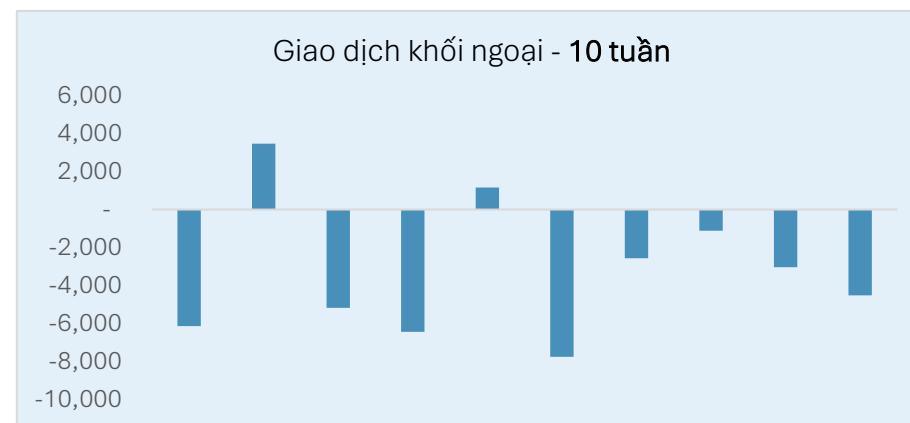
3.

Giao dịch khối ngoại



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	717.63	252.90	464.73
2	SSI	HOSE	299.77	64.54	235.23
3	HPG	HOSE	161.17	85.67	75.51
4	ACB	HOSE	173.70	107.15	66.55
5	TCH	HOSE	78.82	16.68	62.14
6	SHS	HNX	64.57	3.78	60.79
7	MSN	HOSE	81.25	32.61	48.64
8	VPB	HOSE	84.59	40.48	44.10
9	KBC	HOSE	45.50	7.42	38.08
10	MWG	HOSE	88.97	55.33	33.64
11	DGW	HOSE	31.63	1.22	30.41
12	VND	HOSE	29.76	12.65	17.10
13	GEX	HOSE	52.31	43.13	9.18
14	E1VFN30	HOSE	9.97	1.13	8.83
15	VHC	HOSE	14.85	7.06	7.79



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	36.10	559.91	- 523.81
2	VHM	HOSE	245.18	708.16	- 462.98
3	HCM	HOSE	0.75	119.17	- 118.42
4	VIX	HOSE	10.93	109.69	- 98.76
5	NVL	HOSE	62.78	139.21	- 76.43
6	VJC	HOSE	2.74	76.66	- 73.92
7	SHB	HOSE	11.40	78.29	- 66.89
8	VRE	HOSE	74.21	138.99	- 64.78
9	CII	HOSE	0.05	63.84	- 63.79
10	BSR	HOSE	10.35	48.79	- 38.43
11	VCG	HOSE	3.30	38.38	- 35.08
12	GEE	HOSE	1.78	36.77	- 34.99
13	PLX	HOSE	1.84	35.60	- 33.76
14	VSC	HOSE	0.19	29.20	- 29.01
15	EIB	HOSE	5.37	30.24	- 24.87

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	94.93	0.15%	0.19%	56.01%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	90.99	-0.32%	-3.62%	58.46%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,798.00	-0.82%	1.67%	10.92%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,102	0.00%	0.00%	-0.08%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,357	0.00%	0.00%	-0.08%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,630	-1.04%	-1.22%	-0.71%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	3.90%	-0.93%	-0.77%	2.13%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.45%	0.00%	0.00%	0.38%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.36%

Áp dụng thuế suất 0% với xăng dầu và nhiên liệu bay từ 16/4

Từ ngày 16/4/2026, Nghị quyết 19/2026/QH16 liên quan đến thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay. Theo đó, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut và nhiên liệu bay được áp dụng là 0 đồng/lít. Mức thuế suất tiêu thụ đặc biệt áp dụng với xăng các loại là 0%.

Ngoài ra, từ 0h ngày 16/4 giá xăng dầu trong nước tiếp tục được điều chỉnh.

S&P 500 vượt 7.000 điểm, lập đỉnh lịch sử

Chỉ số S&P 500 và Nasdaq Composite tăng vọt lên các mức cao kỷ lục mới trong ngày 15/04. Khép phiên chỉ số S&P 500 tăng 56 điểm, tương đương 0.8%, lên 7,023 điểm, vượt đỉnh trước cuộc chiến tranh Mỹ-Iran. Nasdaq Composite tăng 377 điểm, tương đương 1.6%, lên 24,016 điểm, vượt qua kỷ lục vào tháng 10/2025.

5.

Bản tin doanh nghiệp



PDR: Quý 1/2026, PDR dự kiến đạt lợi nhuận gấp 2 lần cùng kỳ

Năm 2026, PDR đặt mục tiêu tổng doanh thu (bao gồm doanh thu tài chính, chuyển nhượng cổ phần ở các đơn vị) 8.830 tỷ đồng và LNST 868 tỷ đồng, tăng 69% so với kết quả đạt được trong năm 2025. Theo CT HĐQT PDR, LN quý I/2026 dự kiến hơn 100 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm trước

Trong năm 2025, PDR đã đẩy mạnh tái cấu trúc danh mục đầu tư, thoái toàn bộ vốn tại 2 công ty con, thu về khoảng 1.535 tỷ đồng, hợp tác với Mitsubishi Corporation tại dự án Thuận An 1, với tổng giá trị giao dịch M&A hơn 2.000 tỷ đồng, trong đó đã thu về 1.901 tỷ đồng.



POW: Doanh thu PV Power lập đỉnh, lợi nhuận tăng 79% trong quý I

Trong 3 tháng đầu năm, PV Power ghi nhận doanh thu toàn tổng công ty đạt khoảng 12.281 tỷ đồng, tăng 47% so với quý I/2025 và cao hơn 11% so với kế hoạch đề ra, đồng thời là mức doanh thu theo quý cao nhất từ trước đến nay. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận khoảng 923 tỷ đồng, tăng gần 79% so với cùng kỳ năm trước.

Kế hoạch cả năm 2026, POW dự kiến doanh thu đạt khoảng 49.887 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đặt mục tiêu 1.328 tỷ đồng và 1.124 tỷ đồng, lần lượt tăng 59% và 63% so với năm 2025.



VPB: VPBank dự kiến phát hành riêng lẻ cho NĐT nước ngoài

VPBank vừa công bố phương án tăng vốn điều lệ bổ sung trong năm 2026, thông qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Theo phương án được công bố, VPB dự kiến chào bán riêng lẻ 624,3 triệu cổ phiếu cho một nhà đầu tư nước ngoài, thu về khoảng 6.243 tỷ đồng. Sau phát hành, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VPBank có thể tăng lên khoảng 34%.

Nếu hoàn tất kế hoạch tăng vốn, vốn điều lệ của VPBank có thể nâng lên hơn 106.243 tỷ đồng, trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống, vượt mức hiện tại của Vietcombank.

6.

Lịch sự kiện

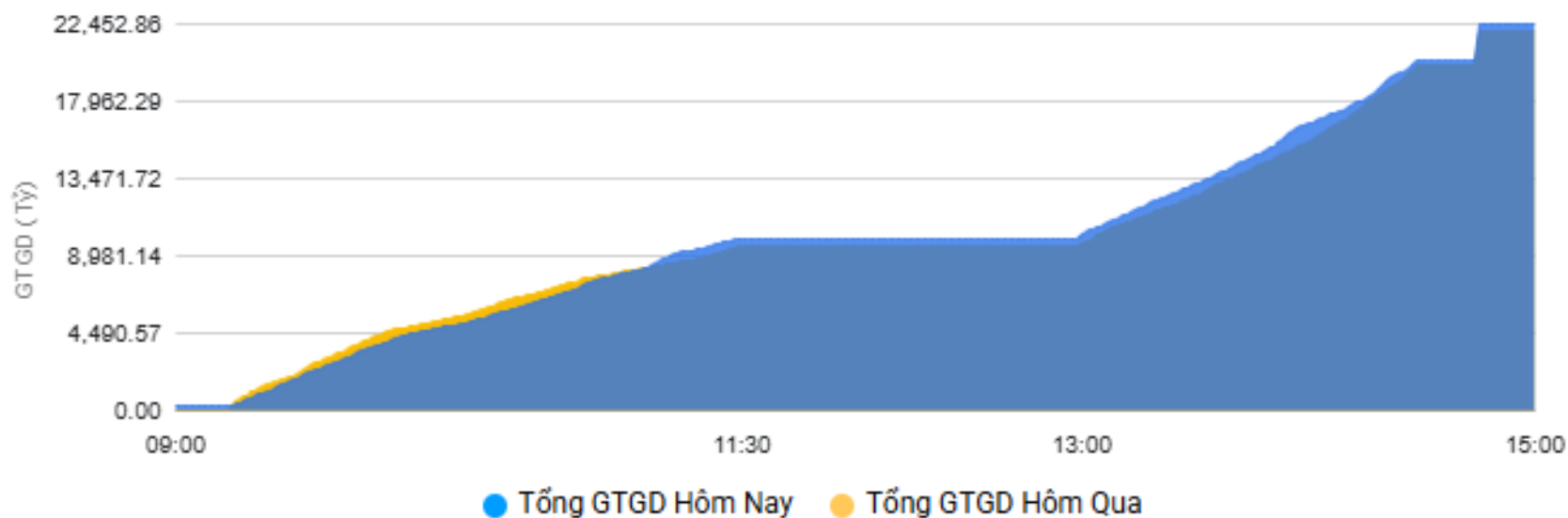
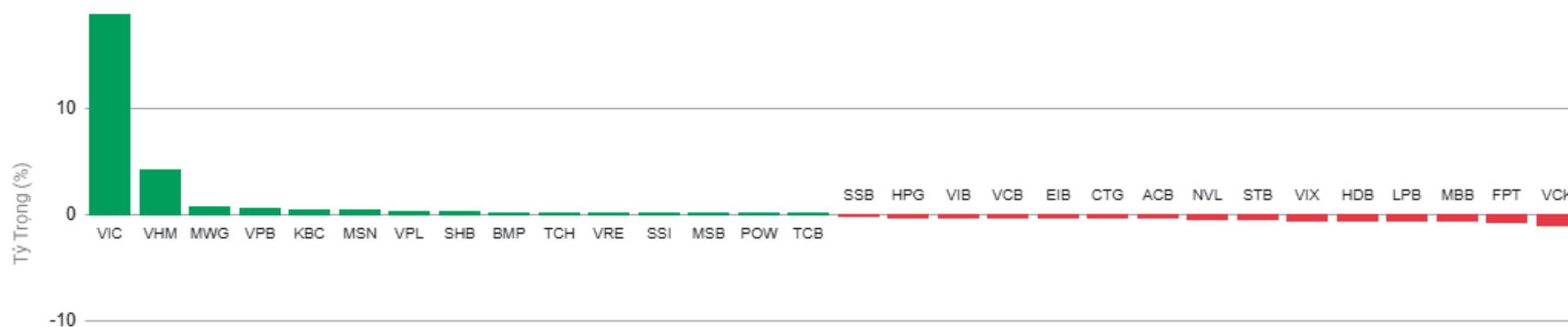
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
PTM	17/04/2026	29/04/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CDC	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	1:1	10,000
SBT	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	6.00%	
CTD	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	5.00%	
TBC	22/04/2026	08/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
WSB	23/04/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HMH	28/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CCM	29/04/2026	23/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
TIP	04/05/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.00%	200
HSG	04/05/2026	04/05/2026	Phát hành cổ phiếu	30.00%	
SSC	19/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (16/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	27,600	23.2%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,250	44.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	31,900	16.0%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,300	15.5%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,650	21.6%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,100	23.3%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	34,600	16.2%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	59,400	21.2%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,200	18.7%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	63,800	-8.0%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	27,950	22.4%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	16,150	16,000	0.9%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,800	7.8%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	73,600	21.5%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	23,800	15.3%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	54,100	39.4%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (16/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	28,750	56.5%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	26,300	59.7%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,150	37.3%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,490	60.2%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	34,950	15.9%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	55,000	50.9%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	29,600	1.4%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	143,100	-39.1%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,800	28.7%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,400	13.4%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	21,250	40.0%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,000	7.7%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	81,800	7.2%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	151,000	12.6%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	81,300	32.2%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	32,900	23.1%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

